TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03.4.2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lê Thanh Nghị
2. Bà Trần Thúy Kiên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Trung Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Nguyễn Thị T** sinh năm 1982
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
(có mặt)

2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Nguyễn Minh N** sinh năm 1983
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
(vắng mặt)

3. <u>*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*</u>:
Cháu ***Nguyễn Minh K*** sinh ngày 24.5.2005
(Đang sống với chị T tại khu vực P, phường H, quận T, tp Cần Thơ; Và do chị T là người giám hộ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21.12.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Minh N tự nguyện yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 09.12.2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C (cũ) nay là xã R, huyện C. Sau

khi cưới, vợ chồng sống và làm thuê tại khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên từ tháng 10.2017 thì vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24.5.2005, con chung đang sống với chị T và bên ngoại.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng đối với anh N.

Về nợ chung: không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Minh N.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 21/2018/TB.TLVA-HNGĐ ngày 02.01.2018; Các Thông báo hòa giải số 05/2018/TB.TA ngày 09.01.2018, số 12/2018/TB.TA ngày 19.01.2018, số 23/2018/TB.TA ngày 06.02.2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018 ngày 23.02.2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐ.HNGĐ ngày 12.3.2018 nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

./ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Minh N; Ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24.5.2005 đến trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Minh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện C nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt không lý do. Nên, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cải, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên từ tháng 10.2017 vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị T kiên quyết ly hôn; anh N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh N đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24.5.2005 đang sống với chị T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Chị T yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ là chị T, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu K vẫn liên tục sống với mẹ, được sự chăm sóc và nuôi dưỡng từ chị T và gia đình bên ngoại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị T yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, 227, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Minh N.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24.5.2005 đến trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Do đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số 003665 ngày 29.12.2017 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- UBND xã R, huyện C (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền